

THÔNG BÁO

Điểm trúng tuyển trình độ đại học chính quy năm 2025

Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 Trường Đại học Hòa Bình thông báo điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy năm 2025, cụ thể như sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Điểm trúng tuyển	
					Theo PT xét điểm thi THPT QG	Theo PT xét Học bạ THPT
1.	Y khoa	7720101	479	B00, A02, B03, B08, A00	20.5	20.5
2.	Y học cổ truyền	7720115	239	B00, A02, B03, B08, A00	19	19
3.	Dược học	7720201	99	A00, B00, C02, D07, A11, A02, B03, B08	19	19
4.	Điều dưỡng	7720301	139	B00, A02, B03, B08, C02	17	17
5.	Công nghệ thông tin	7480201	170	A00, A01, D01, D07, C01, A0T	15	15
6.	Truyền thông đa phương tiện	7320104	179	C00, D01, C04, C01, C14, TH9, D14	15	15
7.	Quan hệ công chúng	7320108	99	C00, D01, C04, C01, C14, TH9, D14	15	15
8.	Ngôn ngữ Anh	7220201	139	D01, D07, D08, D14, D15, A01	15	15
9.	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	185	D04, D30, D01, D14, C00, D15, D10	15	15
10.	Luật kinh tế	7380107	146	C00, D01, C19, D14, C01	15	15
11.	Kỹ thuật ô tô	7520130	99	A00, A01, D01, D07, C01, A0C, A0T	15	15
12.	Quản trị kinh doanh	7340101	99	A00, A01, D01, A10, C01, A0T	15	15
13.	Tài chính ngân hàng	7340201	79	A00, A01, D01, A10, C01	15	15
14.	Kế toán	7340301	79	A00, A01, D01, A10, C01	15	15
15.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	65	C00, D01, D15, C04, A10	15	15
16.	Quản trị khách sạn	7810201	50	C00, D01, D15, C04, A10	15	15
17.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	50	A00, A01, D01, A10, C01, A0T, A0C	15	15

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Điểm trúng tuyển	
					Theo PT xét điểm thi THPT QG	Theo PT xét Học bạ THPT
18.	Thương mại điện tử	7340122	50	A00, A01, D01, A10, C01, A0T	15	15
19.	Thiết kế đồ họa	7210403	79	V00, V01, H01, H07, A0T	15	15
20.	Thiết kế nội thất	7580108	25	V00, V01, H01, H07, A0T	15	15
21.	Thiết kế thời trang	7210404	30	V01, V00, H02, H06, H08	15	15

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- CT HĐT, BGH (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT & CTSV.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH /s/



NGND.PGS.TS Tô Ngọc Hưng

